



Mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 116/2026/TT-BCA
ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỜ KHAI THAY ĐỔI THÔNG TIN CƯ TRÚ

Kính gửi⁽¹⁾:

1. Họ, chữ đệm và tên khai sinh:

2. Ngày, tháng, năm sinh:/...../ 3. Giới tính:

4. Số định danh cá nhân:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

5. Số điện thoại liên hệ: 6. Email:

7. Họ, chữ đệm và tên chủ hộ⁽²⁾: 8. Mối quan hệ với chủ hộ:

9. Số định danh cá nhân của chủ hộ:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

10. Nội dung đề nghị⁽³⁾:

.....

11. Những thành viên trong hộ gia đình cùng thay đổi:

TT	Họ, chữ đệm và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Mối quan hệ với chủ hộ

....., ngày..... tháng..... năm.....

Ý KIẾN CỦA CHỦ HỘ⁽⁴⁾

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Ý KIẾN CỦA CHỦ SỞ HỮU
CHỖ Ở HỢP PHÁP⁽⁵⁾**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Ý KIẾN CỦA CHA HOẶC MẸ
HOẶC NGƯỜI GIÁM HỘ⁽⁶⁾**

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KÊ KHAI⁽⁷⁾

(8) Họ và tên:

(8) Số định danh cá nhân:

(8) Họ và tên:

(8) Số định danh cá nhân:

Handwritten signature

Chú thích:

(1) Cơ quan đăng ký cư trú.

(2) Trường hợp đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, tách hộ ghi thông tin chủ hộ gia đình mới.

(3) Ghi rõ ràng, cụ thể nội dung đề nghị. Ví dụ: ghi chi tiết thông tin nơi đề nghị đăng ký thường trú hoặc nơi đề nghị đăng ký tạm trú hoặc nội dung đề nghị xác nhận thông tin về cư trú..... Trường hợp đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú, tách hộ mà địa giới hành chính đã có sự thay đổi theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì ghi thông tin theo địa giới hành chính mới, đồng thời ghi chủ địa giới hành chính theo giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp.

(4) Áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 (*Trừ trường hợp người dưới 6 tuổi đăng ký về với cha, mẹ, người giám hộ*), khoản 3, khoản 5, khoản 6 Điều 20; khoản 1 Điều 25; điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Cư trú và các trường hợp khác theo quy định pháp luật. Việc lấy ý kiến của chủ hộ được thực hiện theo các phương thức sau:

a) Chủ hộ ghi rõ nội dung đồng ý và ký, ghi rõ họ tên vào Tờ khai.

b) Chủ hộ xác nhận nội dung đồng ý thông qua ứng dụng định danh quốc gia hoặc các dịch vụ công trực tuyến khác.

c) Chủ hộ có văn bản riêng ghi rõ nội dung đồng ý (văn bản này không phải công chứng, chứng thực).

(5) Áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 (*Trừ trường hợp người dưới 6 tuổi đăng ký về với cha, mẹ, người giám hộ*), khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 20; khoản 1 Điều 25 Luật Cư trú; điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Cư trú (trường hợp người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội quyết định chủ hộ) và các trường hợp khác theo quy định pháp luật. Việc lấy ý kiến của chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp được thực hiện theo các phương thức sau:

a) Chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp ghi rõ nội dung đồng ý và ký, ghi rõ họ tên vào Tờ khai.

b) Chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp xác nhận nội dung đồng ý thông qua ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc các dịch vụ công trực tuyến khác.

c) Chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp có văn bản riêng ghi rõ nội dung đồng ý (văn bản này không phải công chứng, chứng thực).

Ghi chú: Trường hợp chủ sở hữu hợp chỗ ở hợp pháp gồm nhiều cá nhân, tổ chức thì phải có ý kiến đồng ý của tất cả các đồng sở hữu, tổ chức trừ trường hợp đã có thỏa thuận về việc cử đại diện có ý kiến đồng ý hoặc trường hợp có quy định khác; Trường hợp chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp xác nhận nội dung đồng ý thông qua ứng dụng định danh quốc gia thì công dân phải kê khai thông tin về họ, chữ đệm, tên và số ĐDCN của chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp. Trường hợp đăng ký thường trú theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 20 Luật Cư trú mà chỗ ở hợp pháp có nhiều hơn một chủ sở hữu thì chỉ cần ý kiến đồng ý của ít nhất một chủ sở hữu.

(6) Áp dụng đối với trường hợp người chưa thành niên, người hạn chế hành vi dân sự, người không đủ năng lực hành vi dân sự có thay đổi thông tin về cư trú. Việc lấy ý kiến của cha, mẹ hoặc người giám hộ được thực hiện theo các phương thức sau:

a) Cha, mẹ hoặc người giám hộ ghi rõ nội dung đồng ý và ký, ghi rõ họ tên vào Tờ khai.

b) Cha, mẹ hoặc người giám hộ xác nhận nội dung đồng ý thông qua ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc các dịch vụ công trực tuyến khác.

c) Cha, mẹ hoặc người giám hộ có văn bản riêng ghi rõ nội dung đồng ý (văn bản này không phải công chứng, chứng thực).

(7) Trường hợp nộp trực tiếp người kê khai ký, ghi rõ họ, chữ đệm và tên vào Tờ khai; Trường hợp nộp qua cổng dịch vụ công hoặc ứng dụng định danh quốc gia thì người kê khai không phải ký vào mục này. Trường hợp người kê khai đồng thời là chủ hộ hoặc chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp hoặc cha, mẹ, người giám hộ của người thay đổi thì người kê khai không phải ký vào các mục (4), (5), (6), (7).

(8) Chỉ kê khai thông tin khi công dân đề nghị xác nhận nội dung đồng ý thông qua ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

sb



Mẫu CT02 ban hành kèm theo Thông tư số 116/2026/TT-BCA
ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỜ KHAI THAY ĐỔI THÔNG TIN CƯ TRÚ
(Dùng cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài
về Việt Nam sinh sống)

Ảnh 4x6

Kính gửi ⁽¹⁾.....

1. Họ, chữ đệm và tên Việt Nam:.....

2. Họ, chữ đệm và tên trong hộ chiếu/giấy tờ do nước ngoài cấp:

3. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... 4. Giới tính:.....

5. Dân tộc:..... 6. Tôn giáo:

7. Số định danh cá nhân:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

8. Số điện thoại (nếu có): 9. E-mail (nếu có):.....

10. Quốc tịch nước ngoài (nếu có):.....

11. Số hộ chiếu/ Giấy tờ đi lại quốc tế do nước ngoài cấp/ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cấp:

Số: Ngày cấp:/...../.....

Cơ quan cấp: Có giá trị đến ngày:...../...../.....

12. Nghề nghiệp, nơi làm việc ở nước ngoài trước khi nhập cảnh Việt Nam:.....

13. Tóm tắt quá trình sinh sống và làm việc từ khi sinh ra đến nay:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chỗ ở (Ghi rõ ràng, cụ thể địa chỉ chỗ ở)	Nghề nghiệp, nơi làm việc

81

14. Họ, chữ đệm và tên, năm sinh, quốc tịch, nghề nghiệp, nơi làm việc, nơi ở hiện nay của cha, mẹ, vợ, chồng, con:

.....

.....

.....

.....

.....

15. Nơi cư trú ở nước ngoài trước khi nhập cảnh Việt Nam:

.....

16. Nơi ở hiện tại ở Việt Nam:

.....

17. Nội dung đề nghị ⁽²⁾.

.....

18. Họ và tên chủ hộ:.....19. Quan hệ với chủ hộ:.....

20. Số định danh cá nhân của chủ hộ:

[illegible]

Tôi xin cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình./.

.....ngày.....tháng.....năm.....
Ý KIẾN CỦA CHỦ HỘ ⁽³⁾
 (Ghi rõ nội dung và ký,
 ghi rõ họ tên)

.....,ngày.....tháng....năm...
**Ý KIẾN CỦA CHỦ SỞ HỮU
 HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN
 CHỖ Ở HỢP PHÁP ⁽⁴⁾**
 (Ký, ghi rõ họ tên)

.....ngày.....tháng...năm...
Ý KIẾN CỦA CHA HOẶC MẸ
HOẶC NGƯỜI GIÁM HỘ⁽⁵⁾
 (Ký, ghi rõ họ tên)

...,ngày....tháng...năm...
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ ⁽⁶⁾
 (Ký, ghi rõ họ tên)

(7) Họ và tên:

(7) Số định danh cá nhân:.....

(7) Họ và tên:

(7) Số định danh cá nhân:.....

2

Chú thích:

(1) Cơ quan đăng ký cư trú.

(2) Ghi rõ ràng, cụ thể nội dung đề nghị.

(3) Áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 (*Trừ trường hợp người dưới 6 tuổi đăng ký về với cha, mẹ, người giám hộ*), khoản 3, khoản 5, khoản 6 Điều 20; khoản 1 Điều 25; điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Cư trú và các trường hợp khác theo quy định pháp luật. Việc lấy ý kiến của chủ hộ được thực hiện theo các phương thức sau:

a) Chủ hộ ghi rõ nội dung đồng ý và ký, ghi rõ họ tên vào Tờ khai.

b) Chủ hộ xác nhận nội dung đồng ý thông qua ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc các dịch vụ công trực tuyến khác.

c) Chủ hộ có văn bản riêng ghi rõ nội dung đồng ý (văn bản này không phải công chứng, chứng thực).

(4) Áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 (*Trừ trường hợp người dưới 6 tuổi đăng ký về với cha, mẹ, người giám hộ*), khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 20; khoản 1 Điều 25 Luật Cư trú; điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Cư trú (trường hợp người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội quyết định chủ hộ) và các trường hợp khác theo quy định pháp luật. Việc lấy ý kiến của chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp được thực hiện theo các phương thức sau:

a) Chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp ghi rõ nội dung đồng ý và ký, ghi rõ họ tên vào Tờ khai.

b) Chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp xác nhận nội dung đồng ý thông qua ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc các dịch vụ công trực tuyến khác.

c) Chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp có văn bản riêng ghi rõ nội dung đồng ý (văn bản này không phải công chứng, chứng thực).

Ghi chú: Trường hợp chủ sở hữu hợp chỗ ở hợp pháp gồm nhiều cá nhân, tổ chức thì phải có ý kiến đồng ý của tất cả các đồng sở hữu, tổ chức trừ trường hợp đã có thỏa thuận về việc cử đại diện có ý kiến đồng ý hoặc trường hợp có quy định khác; Trường hợp chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp xác nhận nội dung đồng ý thông qua ứng dụng định danh quốc gia thì công dân phải kê khai thông tin về họ, chữ đệm, tên và số ĐDCN của chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp. Trường hợp đăng ký thường trú theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 20 Luật Cư trú mà chỗ ở hợp pháp có nhiều hơn một chủ sở hữu thì chỉ cần ý kiến đồng ý của ít nhất một chủ sở hữu.

(5) Áp dụng đối với trường hợp người chưa thành niên, người hạn chế hành vi dân sự, người không đủ năng lực hành vi dân sự có thay đổi thông tin về cư trú. Việc lấy ý kiến của cha, mẹ hoặc người giám hộ được thực hiện theo các phương thức sau:

a) Cha, mẹ hoặc người giám hộ ghi rõ nội dung đồng ý và ký, ghi rõ họ tên vào Tờ khai.

b) Cha, mẹ hoặc người giám hộ xác nhận nội dung đồng ý thông qua ứng dụng định danh quốc gia hoặc các dịch vụ công trực tuyến khác.

c) Cha, mẹ hoặc người giám hộ có văn bản riêng ghi rõ nội dung đồng ý (văn bản này không phải công chứng, chứng thực).

(6) Trường hợp nộp trực tiếp người kê khai ký, ghi rõ họ, chữ đệm và tên vào Tờ khai; Trường hợp nộp qua cổng dịch vụ công hoặc ứng dụng định danh quốc gia thì người kê khai không phải ký vào mục này. Trường hợp người kê khai đồng thời là chủ hộ hoặc chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp hoặc cha, mẹ, người giám hộ của người thay đổi thì người kê khai không phải ký vào các mục (3), (4), (5), (6).

(7) Chỉ kê khai thông tin khi công dân đề nghị xác nhận nội dung đồng ý thông qua ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).



Mẫu CT03 ban hành kèm theo Thông tư số 116/2026/TT-BCA
ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(2) **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

PHIẾU KHAI BÁO TẠM VẮNG

1. Họ, chữ đệm và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....3. Giới tính:
4. Số định danh cá nhân:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--
5. Nơi thường trú:
6. Nơi tạm trú:
7. Nơi ở hiện tại:
8. Tạm vắng từ ngày, tháng, năm:...../...../..... đến ngày...../...../.....
9. Lý do tạm vắng:
10. Địa chỉ nơi đến ⁽³⁾:.....

.....ngàytháng.....năm.....

NGƯỜI KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....ngàytháng.....năm.....

NGƯỜI TIẾP NHẬN KHAI BÁO

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ

.....ngàytháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan)

Chú thích:

(1) Cơ quan cấp trên của cơ quan đăng ký cư trú

(2) Cơ quan đăng ký cư trú

(3) Ghi rõ số nhà, đường phố, tổ dân phố, thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc; xã/phường/đặc khu; tỉnh/thành phố trừ trường hợp cập nhật thông tin tạm vắng cho công dân đang thực hiện nghĩa vụ trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân ghi tới địa bàn cấp xã.



Số: /PTN

Mã hồ sơ:.....

Công an⁽²⁾.

Số định danh cá nhân/CMND:

[illegible]

Nơi thường trú:

Nơi tạm trú:

Nơi ở hiện tại:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

[illegible]

Thời gian nhận hồ sơ:giờ.....phút, ngày...../...../.....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ:giờ.....phút, ngày...../...../.....

Hình thức nhận kết quả: Bản giấy ☐ Bản điện tử ☐ Tin nhắn SMS ☐

(Công dân nhận kết quả bản điện tử qua email, thông báo trên ứng dụng VNeID và cổng dịch vụ công; thông báo qua tin nhắn SMS tới số điện thoại đã khai báo)

4

Đăng ký nhận kết quả Bản giấy tại:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

CÁN BỘ TIẾP NHẬN⁽³⁾

Chú thích:

- (1) Cơ quan cấp trên của cơ quan đăng ký cư trú.
- (2) Cơ quan đăng ký cư trú.
- (3) Cán bộ tiếp nhận có thể ký ghi rõ họ tên hoặc ký số hoặc xác nhận bằng hình thức xác thực khác.



Mẫu CT06 ban hành kèm theo Thông tư số 116/2026/TT-BCA
ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an

.....(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2) **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

PHIẾU THÔNG BÁO VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT HỒ SƠ CƯ TRÚ

Công an⁽²⁾.

đã tiếp nhận hồ sơ của Ông/Bà:

Số định danh cá nhân/CMND:

[illegible]

Mã hồ sơ:

Căn cứ quy định của Luật Cư trú và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có liên quan, Công an⁽²⁾ thông báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau⁽³⁾:

.....

.....

.....

Trân trọng thông báo đến Ông/Bà được biết./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ⁽⁴⁾

Chú thích:

(1) Cơ quan cấp trên của cơ quan đăng ký cư trú

(2) Cơ quan đăng ký cư trú

(3) Ghi rõ ràng, cụ thể lý do không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ của công dân và viện dẫn cụ thể quy định của văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng; ví dụ: Không bảo đảm điều kiện về diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 Luật Cư trú; Giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp không đúng quy định tại điểm

(4) Trường hợp cán bộ tiếp nhận trả lại thì cán bộ tiếp nhận ký, ghi rõ họ tên hoặc ký số. Trường hợp hồ sơ đã được tiếp nhận, xử lý nhưng bị trả lại do không đủ điều kiện thì cán bộ xử lý ký tắt, Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú ký ghi rõ họ tên hoặc ký số hoặc xác nhận bằng hình thức xác thực khác.





Mẫu CT07 ban hành kèm theo Thông tư số 116/2026/TT-BCA
ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /XN

....., ngày....tháng....năm.....

XÁC NHẬN THÔNG TIN VỀ CƯ TRÚ

Theo đề nghị của Ông/Bà:

Số định danh cá nhân:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

CÔNG AN ⁽²⁾..... XÁC NHẬN:

I. Họ, chữ đệm và tên của Ông/Bà:

1. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... 2. Giới tính:

3. Số định danh cá nhân:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

4. Dân tộc: 5. Tôn giáo:

6. Quê quán:

7. Nơi đăng ký khai sinh:

8. Nơi thường trú:

9. Nơi tạm trú:

10. Nơi ở hiện tại:

11. Họ, chữ đệm và tên chủ hộ:..... 12. Quan hệ với chủ hộ:

13. Số định danh cá nhân chủ hộ:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

II. Thông tin các thành viên khác trong hộ gia đình:

TT	Họ, chữ đệm và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Quan hệ với chủ hộ

Handwritten signature

[illegible]

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ⁽³⁾

- (1) Cơ quan cấp trên của cơ quan đăng ký cư trú.
- (2) Cơ quan đăng ký cư trú trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú của công dân.
- (3) Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú ký ghi rõ họ tên hoặc ký số hoặc xác nhận bằng hình thức xác thực khác.

1



Mẫu CT09 ban hành kèm theo Thông tư số 116/2026/TT-BCA
ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an

.....⁽¹⁾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....⁽²⁾ **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Hủy bỏ ⁽³⁾

.....⁽⁴⁾

Căn cứ⁽⁵⁾

Theo đề nghị của⁽⁶⁾:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ ⁽³⁾ của Công an.....

..... đối với trường hợp.....

Lý do hủy bỏ:.....

.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Công an và Ông/Bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN⁽⁷⁾

sb

Chú thích:

- (1) Cơ quan cấp trên của cơ quan ra quyết định.
- (2) Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định.
- (3) Ghi rõ tên thủ tục về cư trú.
- (4) Thủ trưởng cơ quan ra quyết định.
- (5) Viện dẫn đầy đủ văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng.
- (6) Cơ quan đề xuất hoặc chức danh, họ tên đối với cá nhân đề xuất.
- (7) Thủ trưởng cơ quan ra quyết định ký ghi rõ họ tên hoặc ký số hoặc xác nhận bằng hình thức xác thực khác.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....(1)

.....(2)

Kính gửi ⁽³⁾.

Ảnh 4x6 cm

(áp dụng đối
với trường
hợp đã được
cấp thẻ Căn
cước công
dân)

1. Họ, chữ đệm và tên:.....

2. Họ, chữ đệm và tên gọi khác (nếu có):

3. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... 4. Giới tính:

5. Số định danh cá nhân/CMND:

[illegible]

6. Dân tộc: 7. Tôn giáo:

8. Nơi đăng ký khai sinh:

9. Quê quán:

10. Nơi thường trú:.....

11. Nơi tạm trú:.....

12. Nơi ở hiện tại:.....

13. Họ, chữ đệm và tên cha:..... Số ĐDCN/CMND:.....

14. Họ, chữ đệm và tên me:Số ĐDCN/CMND:

15. Ho, chữ đệm và tên chủ hộ:..... Số ĐDCN/CMND:

16. Những thành viên trong hộ gia đình kèm theo (nếu có):

TT	Họ, chữ đệm và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Mối quan hệ với chủ hộ

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ XÁC MINH ⁽⁴⁾

.....

Kết quả xác minh xin gửi về⁽²⁾trước ngày.....tháng.....năm.....

....., ngày.....tháng.....năm..... , ngày..... tháng..... năm.....

CÁN BỘ LẬP PHIẾU

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN⁽⁵⁾

b

Chú thích:

- (1) Cơ quan cấp trên của cơ quan đăng ký cư trú.
- (2) Cơ quan gửi yêu cầu xác minh.
- (3) Cơ quan nhận yêu cầu xác minh.
- (4) Ghi tóm tắt, đầy đủ, cụ thể nội dung cần xác minh.
- (5) Thủ trưởng cơ quan gửi xác minh ký ghi rõ họ tên hoặc ký số hoặc xác nhận bằng hình thức xác thực khác.



.....(2)

Kính gửi⁽³⁾.

1. Ông/bà có họ, chữ đệm và tên:

2. Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... 3. Giới tính:

4. Số định danh cá nhân/CMND:

[illegible]

5. Những thành viên trong hộ gia đình kèm theo (nếu có):

TT	Họ, chữ đệm và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Mối quan hệ với chủ hộ

I. Kết quả xác minh:

.....

.....

.....

.....

II. Kiến nghị (nếu có):

.....

.....

.....

.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

CÁN BỘ LẬP PHIẾU

....., ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN⁽⁴⁾

Chú thích:

- (1) Cơ quan cấp trên của Cơ quan trả lời xác minh.
- (2) Cơ quan trả lời xác minh.
- (3) Cơ quan yêu cầu xác minh.
- (4) Thủ trưởng cơ quan trả lời xác minh ký ghi rõ họ tên hoặc ký số hoặc xác nhận bằng hình thức xác thực khác.



38

Chú thích:

- (1) Cơ quan cấp trên của cơ quan đăng ký cư trú
- (2) Cơ quan đăng ký cư trú
- (3) Cán bộ đề xuất ký ghi rõ họ tên hoặc ký số hoặc xác nhận bằng hình thức xác thực khác.
- (4) Thủ trưởng cơ quan ký ghi rõ họ tên hoặc ký số hoặc xác nhận bằng hình thức xác thực khác.





(1)

(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

- (1) Cơ quan cấp trên của cơ quan đăng ký cư trú
- (2) Cơ quan đăng ký cư trú
- (3) Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở lưu trú khu công nghiệp, cơ sở khác sử dụng để lưu trú, tên phương tiện lưu trú
- (4) Ghi rõ số căn hộ/số phòng, số nhà, đường phố, tổ dân phố, thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc; xã/phường/đặc khu; tỉnh/thành phố.

28



CÔNG AN

THÔNG KÊ TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ
(Từ ngày/...../..... đến ngày...../...../.....)

Mẫu CT13 ban hành
theo TT số 116/2026/TT-BCA
ngày 29/6/2026

I. HỘ, NHÂN KHẨU HIỆN ĐĂNG CƯ TRÚ: Tổng số:..... hộ;..... nhân khẩu; Trong đó:..... NK nữ;..... NK từ 14 tuổi trở lên;
II. THÔNG KÊ THEO HÌNH THỨC CƯ TRÚ

ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ																				
KHÔNG CỨ TRÚ TẠI NƠI ĐÃ ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ																				
Bảo cáo	Tổng số		NK từ 14 tuổi trở lên	NK từ 14 tuổi trở lên	Tổng số		NK từ 14 tuổi trở lên	Đi ngoài tỉnh			Đi ngoài xã trong tỉnh			Trong xã						
								Tổng số		NK từ 14 tuổi trở lên	Tổng số		NK từ 14 tuổi trở lên	Tổng số		NK từ 14 tuổi trở lên				
	Hộ	NK			NK từ 14 tuổi trở lên	Hộ		NK	NK từ 14 tuổi trở lên		Hộ	NK		NK từ 14 tuổi trở lên						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
Kỳ trước																				
Tăng (+); giảm (-)																				
Kỳ này																				

HỘ, NHÂN KHẨU ĐĂNG KÝ TẠM TRÚ														Khai báo thông tin về cư trú		
Tổng số		NK nữ	NK từ 14 tuổi trở lên	Ngoài tỉnh đến				Ngoài xã trong tỉnh đến				Trong xã		Hộ	Nhân khẩu	
Hộ	NK			Tổng số		NK Nữ	NK từ 14 tuổi trở lên	Tổng số		NK Nữ	NK từ 14 tuổi trở lên	Hộ	NK			
				Hộ	NK			Hộ	NK							
22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	

THỰC TẾ CƯ TRÚ NHƯNG CHƯA ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ, ĐĂNG KÝ TẠM TRÚ				NHÂN KHẨU LƯU TRÚ				NHÂN KHẨU TẠM VẮNG		ĐỐI TƯỢNG QUẢN LÝ					
Tổng số		NK Nữ	NK từ 14 tuổi trở lên	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Nữ	Tổng số	Trong đó			
					Hộ gia đình	C□ số chữa bệnh	C□ số lưu trú du lịch	C□ số lưu trú khác				Theo pháp luật	Theo nghiệp vụ	Đối tượng có tiền án, tiền sự	Đối tượng tương tự
Hộ	NK														
38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53

N

III. CÁC LOẠI HỘ, NHÂN KHẨU

Người Việt Nam định cư ở nước ngoài về Việt Nam cư trú				Hộ, nhân khẩu trong c□ số tín ngưỡng, c□ số tôn giáo				Hộ, nhân khẩu trong c□ số trợ giúp xã hội				Hộ, nhân khẩu sống trên tàu, thuyền, phụ Tng tiền khác có khả năng di chuyển				Hộ, nhân khẩu ở khu vực biên giới			
Thường trú		Tạm trú		Thường trú		Tạm trú		Thường trú		Tạm trú		Thường trú		Tạm trú		Thường trú		Tạm trú	
Hộ 1	NK 2	Hộ 3	NK 4	Hộ 5	NK 6	Hộ 7	NK 8	Hộ 9	NK 10	Hộ 11	NK 12	Hộ 13	NK 14	Hộ 15	NK 16	Hộ 17	NK 18	Hộ 19	NK 20

IV. KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ

ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ											TÁCH HỘ		XÓA ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ									
Tổng số		NK mới sinh		Ngoài tỉnh đến		Ngoài xã trong tỉnh đến		Trong xã		Định cư ở nước ngoài về (NK)	Hộ NK		Tổng số		Trong đó							
Hộ	NK		Hộ	NK	Hộ	NK	Hộ	NK	Hộ	NK		Hộ	NK	Hộ	NK	Chết, mất tích	Vắng mặt từ 12 tháng trở lên	Hủy bỏ đăng ký	Ra nước ngoài định cư	Thôi, tước quốc tịch	Không còn chỗ ở hợp pháp	
1	2	3	4	5	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22			

ĐĂNG KÝ TẠM TRÚ						XÓA ĐĂNG KÝ TẠM TRÚ										GIA HẠN TẠM TRÚ		TIẾP NHẬN THÔNG BÁO LƯU TRÚ				
Tổng số		Ngoài tỉnh đến		Ngoài xã trong tỉnh		Trong xã		Tổng số		Trong đó						Hộ NK		Tổng số	Hộ gia đình	C□ số chữa bệnh	C□ số lưu trú du lịch	C□ số lưu trú khác
										Chết, mất tích	Vắng mặt từ 6 tháng trở lên	Hủy bỏ đăng ký	Đã được đăng ký thường trú tại chính n□ tạm trú	Thối, hủy, tước quốc tịch	Không còn chỗ ở hợp pháp							
Hộ	NK	Hộ	NK	Hộ	NK	Hộ	NK	Hộ	NK	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45
23	24	25	26	27	28	29	30	31	32													

KHAI BÁO CƯ TRÚ		ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN VỀ CƯ TRÚ				XÁC NHẬN THÔNG TIN VỀ CƯ TRÚ				KHAI BÁO TẠM VẮNG					
Hộ	NK	Tổng số		Trong đó		Tổng số		Trong đó		Tổng số		Trong đó			
		Thay đổi về địa chỉ n□ cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính	Thay đổi về địa chỉ n□ cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính	Thay đổi về địa chỉ n□ cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính	Thay đổi về địa chỉ n□ cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính	Thay đổi về địa chỉ n□ cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính	Thay đổi về địa chỉ n□ cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính	Thay đổi về địa chỉ n□ cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính	Thay đổi về địa chỉ n□ cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính	Thay đổi về địa chỉ n□ cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính	Thay đổi về địa chỉ n□ cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính	Thay đổi về địa chỉ n□ cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính	Thay đổi về địa chỉ n□ cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính	Thay đổi về địa chỉ n□ cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính	Thay đổi về địa chỉ n□ cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính
46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	

V. KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

KIỂM TRA CƯ TRÚ					XỬ LÝ VI PHẠM					GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO (trường hợp)				
Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Khiếu nại		Tố cáo		
	Hộ gia đình	C□ số chữa bệnh	c□ số lưu trú du lịch	Địa điểm lưu trú khác		Cảnh cáo	Phạt tiền		Hủy bỏ đăng ký			Nhận	Giải quyết	Nhận
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

VI CÔNG TÁC TÀNG THU HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ

KẾT QUẢ CÔNG TÁC TÀNG THU HỒ SƠ CƯ TRÚ										PHƯƠNG TIỆN, NỘI LƯU TRỮ								
Tổng số hồ sơ cư trú đã lập	Hộ sơ đăng ký cư trú đã được cập nhật thông tin					Tra cứu, khai thác hồ sơ tài liệu					Tủ, giá hồ sơ				Máy vi tính		Diện tích m ² lưu trữ	
	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			Hiện có	Đề xuất bổ sung	Hiện có	Đề xuất bổ sung	Diện tích (m ²)	Đề xuất mở rộng (m ²)			
		do cơ quan đăng ký cư trú có thẩm quyền chuyển đến	do lực lượng Cảnh sát khu vực, Công an xã và các lực lượng nghiệp vụ khác chuyển đến	do cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp	ĐKQL cư trú		Yêu cầu nghiệp vụ											
1	2	3	4	5	9	10	11	12	13	14	15	16	17					

..... ngày..... tháng..... năm
CÁN BỘ THÔNG KÊ
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Chữ ký số của cán bộ thông kê)

..... ngày..... tháng..... năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan)





Mẫu CT 15 ban hành kèm theo Thông tư số 116/2026/TT-BCA
ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an

CÔNG AN TỈNH/TP
(1).....

SỔ THEO DÕI GIAO, NHẬN HỒ SƠ CƯ TRÚ

QUYỀN SỐ:.....

- Bắt đầu ngày:
- Kết thúc ngày:

(1) Công an xã, phường, đặc khu.

10

2



CÔNG AN TỈNH/TP

Mẫu CT16 ban hành kèm theo
Thông tư số 116/2026/TT-BCA
ngày 29/6/2026

SỔ THEO DÕI TRÀ CỨU, KHAI THÁC TÀNG THỦ CĂN CƯỚC, CỬ TRÚ

QUYỀN SỔ:

- Bắt đầu ngày:
- Kết thúc ngày:

(1) Công an xã/ phường/đặc khu.

N

TT	NGÀY, THÁNG, NĂM		HỌ, CHỮ ĐỆM VÀ TÊN CHỦ HỘ	SỐ HÒ SƠ	NƠI THƯỜNG TRÚ (ghi rõ số nhà, đường phố, tổ dân phố, xóm, thôn, ấp, bản; xã/phường/đặc khu)	
	GIAO	NHẬN				
1	2	3	4	5	6	

CÁ NHÂN, ĐƠN VỊ TRẠ CỨU, KHAI THÁC	HÌNH THỨC TRẠ CỨU, KHAI THÁC	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ TRẠ CỨU, KHAI THÁC	NỘI DUNG PHÊ DUYỆT TRẠ CỨU, KHAI THÁC	CÁ NHÂN, ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TRẠ CỨU, KHAI THÁC (Ký, ghi rõ họ tên)	CÁN BỘ TÀNG THƯ (Ký, ghi rõ họ tên)
7	8	9	10	11	12